

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BÁO CÁO**Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch**

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: **Khu xử lý nước Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam**
- Địa chỉ: **170 Lê Văn Khương, phường Thới An, Quận 12, TP.HCM**
- Công suất thiết kế: **350 m³/h.**
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): **nguồn nước ngầm và nước thành phố.**
- Thời gian kiểm tra: tháng 12/2025
- Người kiểm tra: Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước: 2 mẫu nước giếng qua xử lý tại trạm xử lý nước không tách Clo (Factory water)

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Đầy đủ theo quy định

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	Tháng 12/2025	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	Không phát hiện	<1	Đạt
p2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	Không phát hiện	<1	Đạt
3.	Arsenic (As(*)) mg/L	Không phát hiện	0,01	Đạt
4.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	Không phát hiện	Trong khoảng 0,2-1,0	Xem ghi chú
5.	Độ đục (NTU)	Không phát hiện	2	Đạt
6.	Màu sắc (TCU)	Không phát hiện	15	Đạt
7.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
8.	pH	7,1	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt
9.				

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Ghi chú:

- Nhà máy gửi 2 mẫu Factory Water - là nước chưa qua khử Clo ở 2 vị trí là Factory Water Manifold và Factory Water Tank. Tuy nhiên Clo dư có thể mất đi trong quá trình vận chuyển đến phòng thí nghiệm Quatest 3.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có)

.....
.....
.....

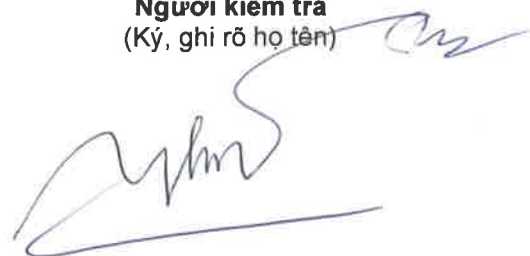
Đ. ĐỀ NGHỊ:

.....
.....
.....

TP HCM, ngày 22 tháng 12 năm 2025

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Head of HCM Brewery

KT3-08770AMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 01 / 010

1. Tên mẫu
Name of sample : **FACTORY WATER AT TAP**
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 03/12/2025
2. Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 5 L;
Unit/sample: 5 L;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa;
Container: plastic bottle;
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 05/12/2025
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 05/12/2025 – 16/12/2025
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VIỆT NAM**
Tầng 18 & 19, Tòa Nhà Vietcombank, Số 05 Công Trường Mê Linh,
Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-08770AMTS/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 02 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	15	KPH	5,0
7.2	Mùi Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ ^(a) No strange odor	Không có mùi lạ No strange odor	-
7.3	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	KPH	0,5
7.4	Độ pH (tại 25 °C) pH value (at 25 °C)	-	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0 - 8,5 ^(a)	7,1	-
7.5	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) Ammonium nitrogen content	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu/ Colorimetric)	1	KPH	0,1
7.6	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,0005
7.7	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	2	KPH	1,0
7.8	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	Trong khoảng 0,2 - 1,0 ^(a)	KPH	0,02
7.9	Tổng số coliform Total coliform	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014 / Amd.1:2016	< 1	< 1(***)	-
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014 / Amd.1:2016	< 1	< 1(***)	-
7.11	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1	< 1(***)	-
7.12	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1	< 1(***)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nội gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2 at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274

Fax: (84-28) 3829 3012

E-mail: info@quatest3.com.vn

Website: www.quatest3.com.vn

Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam

0 CS lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Sai ward

0 CS lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Sai ward

0 CS lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Sai ward

KT3-08770AMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 03 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.13	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	104	-
7.14	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	300	39,3	-
7.15	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,2	KPH	0,01
7.16	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,02	KPH	0,003
7.17	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA Method 200.8	1,3	KPH	0,01
7.18	Hàm lượng cadimi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,0005
7.19	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250 hoặc 300	20,6	-
7.20	Hàm lượng crôm (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,003
7.21	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA Method 200.8	1	KPH	0,01
7.22	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181 : 1996	0,05	KPH	0,005
7.23	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	0,3	-
7.24	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,3	KPH	0,01
7.25	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003
7.26	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,1	KPH	0,01
7.27	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	KPH	0,0002
7.28	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,07	KPH	0,003

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

BM105.02.VIL (HL: 07/07/2025)



KT3-08770AMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 04 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.29	Hàm lượng nitrat (NO_3^- tính theo N) Nitrate nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	11	3,2	-
7.30	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) Nitrite nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,9	KPH	0,01
7.31	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,04	KPH	0,003
7.32	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	200	11,5	-
7.33	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250	6,2	-
7.34	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA Method 200.8	2	< 0,02 (**)	0,01
7.35	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	$\mu\text{g/L}$	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA Method 8321B:2007)	9	KPH	2
7.36	Hàm lượng 2,4,6-Trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	$\mu\text{g/L}$	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA Method 8321B)	200	KPH	20
7.37	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	$\mu\text{g/L}$	QUATEST3 1224:2024	0,5	KPH	0,1
7.38	Hàm lượng epichlorohydrin Epichlorohydrin content	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8260D	0,4	KPH	0,15
7.39	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8321B	30	KPH	1,0
7.40	Hàm lượng MCPA MCPA content	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8321B	2	KPH	0,3
7.41	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8321B	90	KPH	1,0
7.42	Hàm lượng dichlorprop Dichlorprop content	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8321B	100	KPH	1,0

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTERS



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Ca Mau ward, HCMC Vietnam 0 11 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam
Website: www.quatest3.com.vn

KT3-08770AMTS/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 05 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.43	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	9	KPH	1,0
7.44	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	10	KPH	1,0
7.45	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	6	KPH	0,05
7.46	Hàm lượng alachlor Alachlor content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05
7.47	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA Method 8321B	10	KPH	1,0
7.48	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA Method 8321B	5	KPH	1,0
7.49	Hàm lượng chlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	30	KPH	1,0
7.50	Hàm lượng chlordane (*) Chlordane content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	0,2	KPH	0,05
7.51	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05
7.52	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05
7.53	Hàm lượng chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA Method 8321B	30	KPH	1,0

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2; phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-08770AMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025

Trang/ Page 06 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.54	Hàm lượng permethrin Permethrin content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,1
7.55	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA Method 8321B	9	KPH	1,0
7.56	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA Method 8321B	20	KPH	5,0
7.57	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA Method 8321B	20	KPH	1,0
7.58	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA Method 8321B	2	KPH	0,3
7.59	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA Method 536	0,6	KPH	0,25
7.60	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA Method 536	200	KPH	1,0
7.61	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	-	US EPA Method 536	100		-
	+ Atrazine	µg/L		-	KPH	1,0
	+ Atrazine-desisopropyl	µg/L		-	KPH	1,0
	+ Atrazine-desethyl	µg/L		-	KPH	1,0
	+ Atrazine-desethyl- desisopropyl	µg/L		-	KPH	10
7.62	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110 D:2023	10	KPH	4,0
7.63	Hàm lượng axit monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	20	KPH	5,0
7.64	Hàm lượng axit dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	50	11,1	-
7.65	Hàm lượng axit trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	200	71,0	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-08770AMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 07 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.66	Hàm lượng dichloroacetonitrile <i>Dicloroaxetonitril content</i>	µg/L	US EPA Method 551.1	20	4,9	-
7.67	Hàm lượng dibromoacetonitrile <i>Dibromoaxetonitril content</i>	µg/L	US EPA Method 551.1	70	< 0,6 (**)	0,2
7.68	Hàm lượng trichloroacetonitrile <i>Tricloroaxetonitril content</i>	µg/L	US EPA Method 551.1	1	KPH	0,2
7.69	Hàm lượng formaldehyde <i>Formaldehyde content</i>	µg/L	QUATEST3 1225:2024	500	KPH	100
7.70	Hàm lượng monochloramine <i>Monochloramine content</i>	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	3	KPH	0,02
7.71	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng <i>Gross alpha Radioactivity</i>	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,1	KPH	0,02
7.72	Hoạt độ phóng xạ beta tổng <i>Gross beta Radioactivity</i>	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1,0	KPH	0,2
7.73	Hàm lượng bo (B) (tính chung cho cả borat và axit boric) <i>Boron content (Boron and boric acid)</i>	mg/L	US EPA Method 200.8	2,4	KPH	0,01
7.74	Hàm lượng sulfur (S ²⁻) <i>sulfur (sulfide) content</i>	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ ,D:2023	0,05	KPH	0,02
7.75	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất (DDTs) <i>DDTs content</i>	-	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	1		-
	+ 4,4'-DDD	µg/L		-	KPH	0,05
	+ 4,4'-DDE	µg/L		-	KPH	0,05
	+ 4,4'-DDT	µg/L		-	KPH	0,05
7.76	Hàm lượng dichloromethane <i>Dichloromethane content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Ben Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam

Tel: (84-28) 3829.4274

Fax: (84-28) 3829.3012

Email: info@quatest3.com.vn

Website: www.quatest3.com.vn

KT3-08770AMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 08 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.77	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	30	KPH	0,5
7.78	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	2000	KPH	0,5
7.79	Hàm lượng carbon tetrachloride Carbontetrachloride content	µg/L	US EPA Method 8260D	2	KPH	0,5
7.80	Hàm lượng 1,2-dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	50	KPH	0,5
7.81	Hàm lượng trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	8	KPH	0,5
7.82	Hàm lượng tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	40	KPH	0,5
7.83	Hàm lượng vinyl clorua Vinyl chloride content	µg/L	US EPA Method 8260D	0,3	KPH	0,1
7.84	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	10	KPH	0,5
7.85	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA Method 8260D	700	KPH	0,5
7.86	Hàm lượng xylene Xylene content	µg/L	US EPA Method 8260D	500		-
	+ m+p-xylene	µg/L		-	KPH	1,0
	+ o-xylene	µg/L		-	KPH	0,5
7.87	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	0,5
7.88	Hàm lượng styren Styrene content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	0,5
7.89	Hàm lượng monochlorobenzen Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	0,5

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

BM105.02.VIL (HL: 07/07/2025)



KT3-08770AMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 09 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.90	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	1000	KPH	0,5
7.91	Hàm lượng trichlorobenzene Triclorobenzen content		US EPA Method 8260D	20		-
	+ 1,2,3-trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 1,2,4-trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 1,3,5-trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5
7.92	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA Method 8260D	0,6	KPH	0,25
7.93	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo-3-chloropropanen content	µg/L	US EPA Method 8260D	1	KPH	0,07
7.94	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dichloropropane content	µg/L	US EPA Method 8260D	40	KPH	0,5
7.95	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dichloropropene content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	1,0
7.96	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA Method 8260D	100	< 2 (**)	1,0
7.97	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	100	2,6	-
7.98	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	60	9,6	-
7.99	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	34,8	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vieta 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-08770AMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025

Trang/ Page 010 / 010

Ghi chú/ Notice:

(**): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra/ The result "<1 CFU" is considered "target organism not-detectable" in the volume of sample analysed

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

US EPA: United States Environmental Protection Agency

(³) Hàm lượng chlordane khảo sát trên các cấu tử sau/ Chlordane was determined based on the following compounds: α -chlordane, γ -chlordane

QCVN 01-1:2024/BYT : quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National Technical Regulation on Domestic Water Quality

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of method (LOQ)

KPH: Không phát hiện/ Not detected

(a): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường/ According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.

2



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Head of HCM Brewery

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu, / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-08770AMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 01 / 010

- Tên mẫu
Name of sample : **FACTORY WATER**
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 03/12/2025
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 5 L;
Unit/sample: 5 L;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa;
Container: plastic bottle;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 05/12/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 05/12/2025 – 16/12/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VIỆT NAM**
Tầng 18 & 19, Tòa Nhà Vietcombank, Số 05 Công Trường Mê Linh,
Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB



Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.ca@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.ca@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-08770AMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 02 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	15	KPH	5,0
7.2	Mùi Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ ^(a) No strange odor	Không có mùi lạ No strange odor	-
7.3	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	KPH	0,5
7.4	Độ pH (tại 25 °C) pH value (at 25 °C)	-	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0 - 8,5 ^(a)	7,0	-
7.5	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) Ammonium nitrogen content	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu/ Colorimetric)	1	KPH	0,1
7.6	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,0005
7.7	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	2	KPH	1,0
7.8	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	Trong khoảng 0,2 - 1,0 ^(a)	KPH	0,02
7.9	Tổng số coliform Total coliform	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014 / Amd.1:2016	< 1	< 1(***)	-
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014 / Amd.1:2016	< 1	< 1(***)	-
7.11	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1	< 1(***)	-
7.12	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1	< 1(***)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274

Fax: (84-28) 3829 3012

Email: info@quatest3.com.vn

Website: www.quatest3.com.vn

Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 96 1 Street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

KT3-08770AMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025

Trang/ Page 03 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.13	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	103	-
7.14	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	300	40,3	-
7.15	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,2	0,06	-
7.16	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,02	KPH	0,003
7.17	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA Method 200.8	1,3	0,02	-
7.18	Hàm lượng cadimi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,0005
7.19	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250 hoặc 300	20,3	-
7.20	Hàm lượng crôm (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,003
7.21	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA Method 200.8	1	KPH	0,01
7.22	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181 : 1996	0,05	KPH	0,005
7.23	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	0,3	-
7.24	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,3	< 0,02 (**)	0,01
7.25	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003
7.26	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,1	KPH	0,01
7.27	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	KPH	0,0002
7.28	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,07	KPH	0,003

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viلاس 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-08770AMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025

Trang/ Page 04 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.29	Hàm lượng nitrat (NO_3^- tính theo N) Nitrate nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	11	3,2	-
7.30	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) Nitrite nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,9	KPH	0,01
7.31	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,04	KPH	0,003
7.32	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	200	11,5	-
7.33	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250	5,7	-
7.34	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA Method 200.8	2	KPH	0,01
7.35	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	$\mu\text{g/L}$	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA Method 8321B:2007)	9	KPH	2
7.36	Hàm lượng 2,4,6-Trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	$\mu\text{g/L}$	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA Method 8321B)	200	KPH	20
7.37	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	$\mu\text{g/L}$	QUATEST3 1224:2024	0,5	KPH	0,1
7.38	Hàm lượng epichlorohydrin Epichlorohydrin content	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8260D	0,4	KPH	0,15
7.39	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8321B	30	KPH	1,0
7.40	Hàm lượng MCPA MCPA content	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8321B	2	KPH	0,3
7.41	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8321B	90	KPH	1,0
7.42	Hàm lượng dichlorprop Dichlorprop content	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8321B	100	KPH	1,0

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ $k=2$, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k=2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

BM105.02.VIL (HL: 07/07/2025)



KT3-08770AMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 05 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.43	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	9	KPH	1,0
7.44	Hàm lượng mecoprop (MCPPE) Mecoprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	10	KPH	1,0
7.45	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	6	KPH	0,05
7.46	Hàm lượngalachlor Alachlor content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05
7.47	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA Method 8321B	10	KPH	1,0
7.48	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA Method 8321B	5	KPH	1,0
7.49	Hàm lượng chlorpyrifos Chlopyrifos content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	30	KPH	1,0
7.50	Hàm lượng chlordane ⁽³⁾ Chlordane content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	0,2	KPH	0,05
7.51	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05
7.52	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05
7.53	Hàm lượng chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA Method 8321B	30	KPH	1,0

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-08770AMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

16/12/2025

Trang/ Page 06 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.54	Hàm lượng permethrin Permethrin content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,1
7.55	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA Method 8321B	9	KPH	1,0
7.56	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA Method 8321B	20	KPH	5,0
7.57	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA Method 8321B	20	KPH	1,0
7.58	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA Method 8321B	2	KPH	0,3
7.59	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA Method 536	0,6	KPH	0,25
7.60	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA Method 536	200	KPH	1,0
7.61	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	-	US EPA Method 536	100	-	-
	+ Atrazine	µg/L	-	-	KPH	1,0
	+ Atrazine-desisopropyl	µg/L	-	-	KPH	1,0
	+ Atrazine-desethyl	µg/L	-	-	KPH	1,0
	+ Atrazine-desethyl- desisopropyl	µg/L	-	-	KPH	10
7.62	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110 D:2023	10	KPH	4,0
7.63	Hàm lượng axit monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	20	KPH	5,0
7.64	Hàm lượng axit dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	50	14,1	-
7.65	Hàm lượng axit trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	200	70,5	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-08770AMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 07 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.66	Hàm lượng dichloroacetonitrile <i>Dicloroaxetonitril content</i>	µg/L	US EPA Method 551.1	20	5,4	-
7.67	Hàm lượng dibromoacetonitrile <i>Dibromoaxetonitril content</i>	µg/L	US EPA Method 551.1	70	< 0,6 (**)	0,2
7.68	Hàm lượng trichloroacetonitrile <i>Tricloroaxetonitril content</i>	µg/L	US EPA Method 551.1	1	KPH	0,2
7.69	Hàm lượng formaldehyde <i>Formaldehyde content</i>	µg/L	QUATEST3 1225:2024	500	KPH	100
7.70	Hàm lượng monochloramine <i>Monochloramine content</i>	mg/L	TCVN 6225-2:2021	3	KPH	0,02
7.71	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng <i>Gross alpha Radioactivity</i>	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,1	KPH	0,02
7.72	Hoạt độ phóng xạ beta tổng <i>Gross beta Radioactivity</i>	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1,0	KPH	0,2
7.73	Hàm lượng bo (B) (tính chung cho cả borat và axit boric) <i>Boron content (Boron and boric acid)</i>	mg/L	US EPA Method 200.8	2,4	< 0,02 (**)	0,01
7.74	Hàm lượng sulfur (S ²⁻) <i>sulfur (sulfide) content</i>	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ ,D:2023	0,05	KPH	0,02
7.75	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất (DDTs) <i>DDTs content</i>	-	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	1	-	-
	+ 4,4'-DDD	µg/L		-	KPH	0,05
	+ 4,4'-DDE	µg/L		-	KPH	0,05
	+ 4,4'-DDT	µg/L		-	KPH	0,05
7.76	Hàm lượng dichloromethane <i>Dichloromethane content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addressexes info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-08770AMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 08 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.77	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	30	KPH	0,5
7.78	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	2000	KPH	0,5
7.79	Hàm lượng carbon tetrachloride Carbontetrachloride content	µg/L	US EPA Method 8260D	2	KPH	0,5
7.80	Hàm lượng 1,2-dichloroethene 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	50	KPH	0,5
7.81	Hàm lượng trichloroethene Trichloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	8	KPH	0,5
7.82	Hàm lượng tetrachloroethene Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	40	KPH	0,5
7.83	Hàm lượng vinyl clorua Vinyl chloride content	µg/L	US EPA Method 8260D	0,3	KPH	0,1
7.84	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	10	KPH	0,5
7.85	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA Method 8260D	700	KPH	0,5
7.86	Hàm lượng xylen Xylene content	µg/L	US EPA Method 8260D	500		-
	+ m+p-xylene	µg/L		-	KPH	1,0
	+ o-xylene	µg/L		-	KPH	0,5
7.87	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	0,5
7.88	Hàm lượng styren Styrene content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	0,5
7.89	Hàm lượng monochlorobenzen Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	0,5

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viلاس 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-08770AMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 09 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.90	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	1000	KPH	0,5
7.91	Hàm lượng trichlorobenzene Triclorobenzen content		US EPA Method 8260D	20		-
	+ 1,2,3-trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 1,2,4-trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 1,3,5-trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5
7.92	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA Method 8260D	0,6	KPH	0,25
7.93	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo-3-chloropropanen content	µg/L	US EPA Method 8260D	1	KPH	0,07
7.94	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dichloropropane content	µg/L	US EPA Method 8260D	40	KPH	0,5
7.95	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dichloropropene content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	1,0
7.96	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA Method 8260D	100	< 2 (**)	1,0
7.97	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	100	2,6	-
7.98	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	60	9,8	-
7.99	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	35,3	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.





KT3-08770AMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025

Trang/ Page 010 / 010

Ghi chú/ Notice:

(**): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra/ *The result "<1 CFU" is considered "target organism not-detectable" in the volume of sample analysed*

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ *National standards*

US EPA: United States Environmental Protection Agency

(¹) Hàm lượng chlordane khảo sát trên các cấu tử sau/ Chlordane was determined based on the following compounds: α -chlordane, γ -chlordane

QCVN 01-1:2024/BYT : quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ *National Technical Regulation on Domestic Water Quality*

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ *Limit of quantification of method (LOQ)*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected*

(^a): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường/ *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*

2

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Head of HCM Brewery

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only; and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



KT3-08770AMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 01 / 010

- Tên mẫu
Name of sample : **FACTORY WATER MANIFOLD**
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 03/12/2025
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 5 L;
Unit/sample: 5 L;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa;
Container: plastic bottle;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 05/12/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 05/12/2025 – 16/12/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VIỆT NAM**
Tầng 18 & 19, Tòa Nhà Vietcombank, Số 05 Công Trường Mê Linh, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sài Gòn ward, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3011 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 LZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, D1 road, Cat Lai LZ, Cau Giay ward, Hanoi, Vietnam 0 102/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

KT3-08770AMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 02 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	15	KPH	5,0
7.2	Mùi Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ ^(a) No strange odor	Không có mùi lạ No strange odor	-
7.3	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	KPH	0,5
7.4	Độ pH (tại 25 °C) pH value (at 25 °C)	-	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0 - 8,5 ^(a)	7,0	-
7.5	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) Ammonium nitrogen content	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu/ Colorimetric)	1	KPH	0,1
7.6	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,0005
7.7	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	2	KPH	1,0
7.8	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	Trong khoảng 0,2 - 1,0 ^(a)	KPH	0,02
7.9	Tổng số coliform Total coliform	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014 / Amd.1:2016	< 1	< 1(***)	-
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014 / Amd.1:2016	< 1	< 1(***)	-
7.11	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1	< 1(***)	-
7.12	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1	< 1(***)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email address dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-08770AMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 03 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.13	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	102	-
7.14	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	300	40,3	-
7.15	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,2	0,06	-
7.16	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,02	KPH	0,003
7.17	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA Method 200.8	1,3	0,02	-
7.18	Hàm lượng cadimi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,0005
7.19	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250 hoặc 300	20,1	-
7.20	Hàm lượng crôm (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,003
7.21	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA Method 200.8	1	KPH	0,01
7.22	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181 : 1996	0,05	KPH	0,005
7.23	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	0,3	-
7.24	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,3	< 0,02 (**)	0,01
7.25	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003
7.26	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,1	KPH	0,01
7.27	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	KPH	0,0002
7.28	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,07	KPH	0,003

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-08770AMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 04 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.29	Hàm lượng nitrat (NO_3^- tính theo N) Nitrate nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	11	3,2	-
7.30	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) Nitrite nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,9	KPH	0,01
7.31	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,04	KPH	0,003
7.32	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	200	11,5	-
7.33	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250	5,8	-
7.34	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA Method 200.8	2	KPH	0,01
7.35	Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	$\mu\text{g/L}$	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA Method 8321B:2007)	9	KPH	2
7.36	Hàm lượng 2,4,6-Trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	$\mu\text{g/L}$	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA Method 8321B)	200	KPH	20
7.37	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	$\mu\text{g/L}$	QUATEST3 1224:2024	0,5	KPH	0,1
7.38	Hàm lượng epichlorohydrin Epichlorohydrin content	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8260D	0,4	KPH	0,15
7.39	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8321B	30	KPH	1,0
7.40	Hàm lượng MCPA MCPA content	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8321B	2	KPH	0,3
7.41	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8321B	90	KPH	1,0
7.42	Hàm lượng dichlorprop Dichlorprop content	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 8321B	100	KPH	1,0

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) - Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.





Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa I Z, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3011

Email: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn

English: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn



VILAS 004

ISO/IEC 17025:2017

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



KT3-08770AMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 05 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.43	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	9	KPH	1,0
7.44	Hàm lượng mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	10	KPH	1,0
7.45	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	6	KPH	0,05
7.46	Hàm lượng alachlor Alachlor content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05
7.47	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA Method 8321B	10	KPH	1,0
7.48	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA Method 8321B	5	KPH	1,0
7.49	Hàm lượng chlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	30	KPH	1,0
7.50	Hàm lượng chlordane ^(*) Chlordane content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	0,2	KPH	0,05
7.51	Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05
7.52	Hàm lượng trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05
7.53	Hàm lượng chlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA Method 8321B	30	KPH	1,0

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-08770AMTS/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 06 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.54	Hàm lượng permethrin Permethrin content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,1
7.55	Hàm lượng isoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA Method 8321B	9	KPH	1,0
7.56	Hàm lượng pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA Method 8321B	20	KPH	5,0
7.57	Hàm lượng propanil Propanil content	µg/L	US EPA Method 8321B	20	KPH	1,0
7.58	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA Method 8321B	2	KPH	0,3
7.59	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA Method 536	0,6	KPH	0,25
7.60	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA Method 536	200	KPH	1,0
7.61	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	-	US EPA Method 536	100	-	-
	+ Atrazine	µg/L	-	-	KPH	1,0
	+ Atrazine-desisopropyl	µg/L	-	-	KPH	1,0
	+ Atrazine-desethyl	µg/L	-	-	KPH	1,0
	+ Atrazine-desethyl- desisopropyl	µg/L	-	-	KPH	10
7.62	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110 D:2023	10	KPH	4,0
7.63	Hàm lượng axit monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	20	KPH	5,0
7.64	Hàm lượng axit dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	50	13,3	-
7.65	Hàm lượng axit trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	200	66,5	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.





street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam



KT3-08770AMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025
Trang/ Page 09 / 010

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.90	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	1000	KPH	0,5
7.91	Hàm lượng trichlorobenzene Triclorobenzen content		US EPA Method 8260D	20		-
	+ 1,2,3-trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 1,2,4-trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 1,3,5-trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5
7.92	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA Method 8260D	0,6	KPH	0,25
7.93	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo-3-chloropropanen content	µg/L	US EPA Method 8260D	1	KPH	0,07
7.94	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dichloropropane content	µg/L	US EPA Method 8260D	40	KPH	0,5
7.95	Hàm lượng 1,3-dichloropropene 1,3-dichloropropene content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	1,0
7.96	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA Method 8260D	100	< 2 (**)	1,0
7.97	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	100	2,6	-
7.98	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	60	9,6	-
7.99	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	36,2	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viلاس 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-08770AMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/12/2025

Trang/ Page 010 / 010

Ghi chú/ Notice:

(**): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra/ *The result "<1 CFU" is considered "target organism not-detectable" in the volume of sample analysed*

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ *National standards*

US EPA: United States Environmental Protection Agency

(3) Hàm lượng chlordane khảo sát trên các cấu tử sau/ Chlordane was determined based on the following compounds: α -chlordane, γ -chlordane

QCVN 01-1:2024/BYT : quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ *National Technical Regulation on Domestic Water Quality*

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ *Limit of quantification of method (LOQ)*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected*

(a): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường/ *According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.*

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Head of HCM Brewery

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

